

**Danh Sách Ghi Điểm**  
**Kết thúc học phần-Lần 1**  
Học kỳ 2 - Năm học 2023 - 2024

Học phần: Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tín chỉ: 2

Nhóm/Lớp: (102 - )/DA20QKDTH

CBGD: Kiều Văn Đạt (03583)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

12/3/2024

Phòng thi: D21.113

| STT | Mã SV     | Họ và tên SV         | Ngày sinh  | Phái | Đ.TBQ<br>T | Điểm<br>KT | Tổng<br>kết | Số tờ/<br>Mã đề | Chữ ký     | Đổi<br>tượng<br>SV | Ghi<br>chú |
|-----|-----------|----------------------|------------|------|------------|------------|-------------|-----------------|------------|--------------------|------------|
| 1   | 112220152 | Trần Phước Tân       | 20/02/2001 | Nam  | 6.5        | 5.3        | 5.9         | 001             | <u>Tan</u> |                    |            |
| 2   | 112221326 | Lâm Thị Ngọc Trinh   | 07/09/2002 | Nữ   | 7.5        | /          | /           | /               | /          |                    | ✓          |
| 3   | 117620008 | Nguyễn Lâm Hoàng Tân | 18/06/2002 | Nam  | 8.0        | 4.5        | 6.3         | 002             | <u>Tan</u> |                    |            |

Tổng số sv, hs trên danh sách: 03

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 02

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 02

Tổng số tờ: 02

Cán bộ coi thi 1:

Phạm Hồng Sang

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 01 tháng 04 năm 2024

Cán bộ ghi điểm: Chu Cao Dương Phương Lan

Cán bộ kiểm tra: Chu

Nguyễn Thị Lành

**Danh Sách Ghi Điểm**

**Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 2 - Năm học 2023 - 2024

Học phần: Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tín chỉ: 2

Nhóm/Lớp: (102 - )/DA20TS

CBGD: Kiều Văn Đạt (03583)

Hình thức đánh giá:.....TN.....

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

.....12...../.....3...../.....2024.....

Phòng thi:.....D211B3.....

| STT | Mã SV     | Họ và tên SV | Ngày sinh  | Phái | Đ.TBQ<br>T | Điểm<br>KT | Tổng<br>kết | Số tờ/<br>Mã đề | Chữ ký | Đổi<br>tượng<br>SV | Ghi<br>chú |
|-----|-----------|--------------|------------|------|------------|------------|-------------|-----------------|--------|--------------------|------------|
| 1   | 110320031 | Lê Tấn Tài   | 12/11/2000 | Nam  | 8,5        | 3,3        | 5,9         | 003             |        |                    |            |

Tổng số sv, hs trên danh sách:.....01.....

Tổng số sv, hs dự đánh giá: .....01.....

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo:.....01.....

Tổng số tờ:.....01.....

Cán bộ coi thi 1:.....

Điểm QT:.....50.....%; Điểm KT:.....50.....%

Trà Vinh, Ngày ..01.. tháng ..04.. năm 2024

Cán bộ ghi điểm:.....

Cán bộ coi thi 2:.....

Cán bộ kiểm tra:.....

Nguyễn Thị Lành

**Danh Sách Ghi Điểm**  
**Kết thúc học phần-Lần 1**  
Học kỳ 2 - Năm học 2023 - 2024

Học phần: Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tín chỉ: 2

Nhóm/Lớp: (102 - )/DA21KNT

CBGD: Kiều Văn Đạt (03583)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc  
10/3/2024

Phòng thi: 021.113

| STT | Mã SV     | Họ và tên SV     | Ngày sinh  | Phái | Đ.TBQ<br>T | Điểm<br>KT | Tổng<br>kết | Số tờ/<br>Mã đề | Chữ ký       | Đổi<br>tượng<br>SV | Ghi<br>chú |
|-----|-----------|------------------|------------|------|------------|------------|-------------|-----------------|--------------|--------------------|------------|
| 1   | 114621031 | Từ Thị Cẩm Nhung | 20/12/2003 | Nữ   | 7,5        | 2,3        | 4,9         | 006             | <u>Nhung</u> |                    |            |

Tổng số sv, hs trên danh sách: 01

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 01

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 01

Tổng số tờ: 01

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 01 tháng 04 năm 2024

Cán bộ coi thi 1: Phạm Hồng Sang

Cán bộ ghi điểm: Chu Cao Dương Phương Lan

Cán bộ coi thi 2: .....

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

**Danh Sách Ghi Điểm**

**Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 2 - Năm học 2023 - 2024

Học phần: Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tín chỉ: 2

Nhóm/Lớp: (102 - )/DA21NNAE

CBGD: Kiều Văn Đạt (03583)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc  
12/3/2024

Phòng thi: DT113

| STT | Mã SV     | Họ và tên SV  | Ngày sinh  | Phái | Đ.TBQ<br>T | Điểm<br>KT | Tổng<br>kết | Số tờ/<br>Mã đề | Chữ ký                                                                                | Đổi<br>tượng<br>SV | Ghi<br>chú |
|-----|-----------|---------------|------------|------|------------|------------|-------------|-----------------|---------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|------------|
| 1   | 110421270 | Phan Thế Luật | 30/09/2001 | Nam  | 7,0        | 3,0        | 5,0         | 005             |  |                    |            |

Tổng số sv, hs trên danh sách: 01

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 01

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 01

Tổng số tờ: 01

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 01 tháng 04 năm 2024

Cán bộ coi thi 1: Phạm Hồng Sơn

Cán bộ ghi điểm: Luật Cao Dương Phương Lan

Cán bộ coi thi 2: .....

Cán bộ kiểm tra: Luật

Nguyễn Thị Lành

**Danh Sách Ghi Điểm**

**Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 2 - Năm học 2023 - 2024

Học phần: Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tín chỉ: 2

Nhóm/Lớp: (102 - )/DA22KNT

CBGD: Kiều Văn Đạt (03583)

Hình thức đánh giá: TT

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc  
12/03/2024

Phòng thi: ĐH 1113

| STT | Mã SV     | Họ và tên SV      | Ngày sinh  | Phái | Đ.TBQ<br>T | Điểm<br>KT | Tổng<br>kết | Số tờ/<br>Mã đề | Chữ ký                   | Đôi<br>tượng<br>SV | Ghi<br>chú |
|-----|-----------|-------------------|------------|------|------------|------------|-------------|-----------------|--------------------------|--------------------|------------|
| 1   | 114622030 | Nguyễn Phước Huy  | 28/02/1999 | Nam  | 8.0        | 3.0        | 5.5         | 007             | <u>huc</u>               |                    |            |
| 2   | 114622035 | Phạm Thị Ngọc Mai | 29/08/2004 | Nữ   | 7.0        | 5.0        | 6.0         | 008             | <u>Pham Thi Ngoc Mai</u> |                    |            |
| 3   | 114622045 | Nguyễn Thanh Ngân | 10/12/2003 | Nữ   | 7.0        | 2.8        | 4.9         | 009             | <u>Thngan</u>            |                    |            |
| 4   | 114622054 | Lữ Thị Như Phấn   | 28/10/2004 | Nữ   | 6.5        | 4.3        | 5.4         | 010             | <u>thuyphan</u>          |                    |            |

Tổng số sv, hs trên danh sách: 04

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 04

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 04

Tổng số tờ: 04

Trà Vinh, Ngày 01 tháng 04 năm 2024

Cán bộ coi thi 1: H.T. Phan Hồng Sơn

Cán bộ ghi điểm: Thư Cao Dương Phương Lan

Cán bộ coi thi 2: .....

Cán bộ kiểm tra: Thư

Nguyễn Thị Lành

**Danh Sách Ghi Điểm**  
**Kết thúc học phần-Lần 1**  
Học kỳ 2 - Năm học 2023 - 2024

Học phần: Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tín chỉ: 2

Nhóm/Lớp: (102 - )/DA22VH

CBGD: Kiều Văn Đạt (03583)

Hình thức đánh giá: *Đánh giá*

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc  
*12/03/2024*

Phòng thi: *Đ71*

| STT | Mã SV     | Họ và tên SV       | Ngày sinh  | Phái | Đ.TBQ<br>T | Điểm<br>KT | Tổng<br>kết | Số tờ/<br>Mã đề | Chữ ký        | Đôi<br>tượng<br>SV | Ghi<br>chú |
|-----|-----------|--------------------|------------|------|------------|------------|-------------|-----------------|---------------|--------------------|------------|
| 1   | 112522001 | Nguyễn Phan Tuệ Mỹ | 24/09/2004 | Nữ   | <i>7.5</i> | <i>4.3</i> | <i>5.9</i>  | <i>001</i>      | <i>Ilenny</i> |                    |            |

Tổng số sv, hs trên danh sách: *01*.....

Tổng số sv, hs dự đánh giá: *01*.....

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: *01*.....

Tổng số tờ: *01*.....

Điểm QT: *50* %; Điểm KT: *50* %

Trà Vinh, Ngày *01* tháng *04* năm *2024*

Cán bộ coi thi 1: *Đào Cao Dương Phương Lan*

Cán bộ ghi điểm: *Đào Cao Dương Phương Lan*

Cán bộ coi thi 2: .....

Cán bộ kiểm tra: *Đào Cao Dương Phương Lan*

*Nguyễn Thị Lành*

**Danh Sách Ghi Điểm**

**Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 2 - Năm học 2023 - 2024

Học phần: Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tín chỉ: 2

Nhóm/Lớp: (102 - )/DA22YKB

CBGD: Kiều Văn Đạt (03583)

Hình thức đánh giá: Thực nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc  
.....12...../03...../2024

Phòng thi: TP.1.....

| STT | Mã SV     | Họ và tên SV         | Ngày sinh  | Phái | Đ.TBQ<br>T | Điểm<br>KT | Tổng<br>kết | Số tờ/<br>Mã đề | Chữ ký      | Đổi<br>tượng<br>SV | Ghi<br>chú |
|-----|-----------|----------------------|------------|------|------------|------------|-------------|-----------------|-------------|--------------------|------------|
| 1   | 116022053 | Nguyễn Thị Thúy Hằng | 14/09/2004 | Nữ   | <u>7.5</u> | <u>3.8</u> | <u>5.7</u>  | <u>002</u>      | <u>Hang</u> |                    |            |
| 2   | 116022087 | Trần Minh Khoa       | 27/02/2004 | Nam  | <u>9.0</u> | <u>5.5</u> | <u>7.3</u>  | <u>003</u>      | <u>Khoa</u> |                    |            |
| 3   | 116022092 | Võ Trung Kiên        | 31/03/2004 | Nam  | <u>8.5</u> | <u>6.8</u> | <u>7.7</u>  | <u>004</u>      | <u>Kien</u> |                    |            |
| 4   | 116022250 | Trương Thị Ngọc Mai  | 08/10/2003 | Nữ   | <u>8.5</u> | <u>3.5</u> | <u>6.0</u>  | <u>005</u>      | <u>Ngoc</u> |                    |            |

Tổng số sv, hs trên danh sách: 04.

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 04.

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 04.

Tổng số tờ: 1.

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 01 tháng 04 năm 2024

Cán bộ coi thi 1: Paul Cao Dương Phương Lan

Cán bộ ghi điểm: Paul Cao Dương Phương Lan

Cán bộ coi thi 2: .....

Cán bộ kiểm tra: Paul

Nguyễn Thị Lành

**Danh Sách Ghi Điểm**

**Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 2 - Năm học 2023 - 2024

Học phần: Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tín chỉ: 2

Nhóm/Lớp: (102 - )/DA22YKC

CBGD: Kiều Văn Đạt (03583)

Hình thức đánh giá: Đánh giá

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc  
.....12...../03...../2024.....

Phòng thi: D71.....

| STT | Mã SV       | Họ và tên SV     | Ngày sinh  | Phái | Đ.TBQ<br>T | Điểm<br>KT | Tổng<br>kết | Số tờ/<br>Mã đề | Chữ ký     | Đôi<br>tượng<br>SV | Ghi<br>chú |
|-----|-------------|------------------|------------|------|------------|------------|-------------|-----------------|------------|--------------------|------------|
| 1   | 116022297LT | Võ Phú Tần       | 23/04/1995 | Nam  | <u>8.5</u> | <u>3.8</u> | <u>6.2</u>  | <u>006</u>      | <u>Tần</u> |                    |            |
| 2   | 116022299LT | Thái Thanh Trà   | 09/04/1995 | Nam  | <u>9.0</u> | <u>3.3</u> | <u>6.2</u>  | <u>007</u>      | <u>Trà</u> |                    |            |
| 3   | 116022301LT | Nguyễn Trọng Ánh | 30/11/1994 | Nam  | <u>9.0</u> | <u>3.5</u> | <u>6.3</u>  | <u>008</u>      | <u>Ánh</u> |                    |            |

Tổng số sv, hs trên danh sách: 03....

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 03....

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 03...

Tổng số tờ: ✓.....

Điểm QT: 50...%; Điểm KT: 50...%

Trà Vinh, Ngày 01... tháng 04... năm 2024

Cán bộ coi thi 1: Thầy Cao Dương phương Lan

Cán bộ ghi điểm: Thầy Cao Dương phương Lan

Cán bộ coi thi 2: .....

Cán bộ kiểm tra: Thầy.....

Nguyễn Thị Lành

**Danh Sách Ghi Điểm**

**Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 2 - Năm học 2023 - 2024

Học phần: Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tín chỉ: 2

Nhóm/Lớp: (102 - )/DA22YKD

CBGD: Kiều Văn Đạt (03583)

Hình thức đánh giá: Giải nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

12 / 03 / 2024

Phòng thi: D71

| STT | Mã SV       | Họ và tên SV         | Ngày sinh  | Phái | Đ.TBQ<br>T | Điểm<br>KT | Tổng<br>kết | Số tờ/<br>Mã đề | Chữ ký | Đôi<br>tượng<br>SV | Ghi<br>chú |
|-----|-------------|----------------------|------------|------|------------|------------|-------------|-----------------|--------|--------------------|------------|
| 1   | 116022309LT | Huỳnh Thị Thùy Dương | 24/07/1990 | Nữ   | 8.5        | 6.3        | 7.4         | 009             |        |                    |            |
| 2   | 116022311LT | Nguyễn Văn Kía       | 02/01/1991 | Nam  | 9.5        | 5.5        | 7.5         | 010             |        |                    |            |
| 3   | 116022312LT | Phạm Thị Khương Linh | 01/01/1994 | Nữ   | 8.0        | 3.0        | 5.5         | 011             |        |                    |            |
| 4   | 116022316LT | Trần Thanh Phi       | 27/04/1995 | Nam  | 8.5        | 2.3        | 5.4         | 012             |        |                    |            |
| 5   | 116022317LT | Trương Hoàng Phong   | 10/02/1993 | Nam  | 9.5        | 4.5        | 7.0         | 013             |        |                    |            |

Tổng số sv, hs trên danh sách: 05

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 05

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 05

Tổng số tờ: ✓

Trà Vinh, Ngày 01 tháng 04 năm 2024

Cán bộ coi thi 1: Laull Cao Dương Phương Lan

Cán bộ ghi điểm: Laull Cao Dương Phương Lan

Cán bộ coi thi 2: .....

Cán bộ kiểm tra: Laull

Nguyễn Thị Lành

**Danh Sách Ghi Điểm**

**Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 2 - Năm học 2023 - 2024

Học phần: Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tín chỉ: 2

Nhóm/Lớp: (102 - )/DA22YKE

CBGD: Kiều Văn Đạt (03583)

Hình thức đánh giá: Thực nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

.....12...../.....03...../.....2024

Phòng thi: D71.....

| STT | Mã SV       | Họ và tên SV         | Ngày sinh  | Phái | Đ.TBQ<br>T | Điểm<br>KT | Tổng<br>kết | Số tờ/<br>Mã đề | Chữ ký          | Đổi<br>tượng<br>SV | Ghi<br>chú |
|-----|-------------|----------------------|------------|------|------------|------------|-------------|-----------------|-----------------|--------------------|------------|
| 1   | 116022319LT | Đào Hoàng Linh Tâm   | 27/10/2002 | Nam  | 8.5        | 3.5        | 6.0         | 014             | <u>[Chữ ký]</u> |                    |            |
| 2   | 116022324LT | Nguyễn Thị Thủy Tiên | 19/08/1996 | Nữ   | 8.5        | 5.3        | 6.9         | 015             | <u>[Chữ ký]</u> |                    |            |
| 3   | 116022328LT | Bùi Diệu Uyên        | 30/09/1999 | Nữ   | 9.0        | 3.0        | 6.0         | 016             | <u>[Chữ ký]</u> |                    |            |

Tổng số sv, hs trên danh sách: 03..

Tổng số sv, hs dự đánh giá: .....03..

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 03.

Tổng số tờ: ✓.....

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Cao Dương phương lan

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50.....%

Trà Vinh, Ngày 01.. tháng 04.. năm 2024

Cán bộ ghi điểm: Nguyễn Cao Dương phương lan

Cán bộ coi thi 2: .....

Cán bộ kiểm tra: [Chữ ký].....

Nguyễn Thị Linh